

Bản án số: 03/2024/DS-PT
Ngày: 29/3/2024
V/v: *Tranh chấp lời đi
chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vi Thị Tuyết Mai**

Các Thẩm phán: Bà Lý Thị Thúy

Bà Hoàng Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp lời đi chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Dương Văn K** - Sinh năm: 1961. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Triệu Thị T - Sinh năm: 1962. Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị X**, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt.

* Bị đơn: Anh **Nông Văn C** - Sinh năm 1976. Nơi ĐKKHKT: Thôn Bản Diều, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lương Thị M - Sinh năm 1976. Nơi ĐKKHKT: thôn B, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Chỗ ở hiện nay: thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Xuân D, chức vụ: Công chức địa chính NNXD&MT UBND xã S, huyện N. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Người làm chứng:*

1. Anh Dương Quyết C1 - Sinh năm 1985. Vắng mặt

2. Ông Triệu Xuân M1 - Sinh năm 1964. Vắng mặt

3. Ông Triệu Xuân Q - Sinh năm 1960. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: thôn K, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

* *Người kháng cáo:* Bị đơn anh **Nông Văn C** - Sinh năm 1976. Nơi ĐKKHKT: Thôn Bản Diều, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Gia đình nguyên đơn có các thửa đất nông nghiệp gồm: Thửa đất số 69, 34, 32, 33,70 cùng tờ bản đồ số 56. Địa chỉ các thửa đất trên đều ở Đồng Khuổi K, thôn K, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Loại đất chuyên trồng lúa nước, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình nguyên đơn. Để đi vào canh tác các thửa đất trên, gia đình nguyên đơn phải đi qua con đường là lối đi chung của mọi người mà hiện nay đang xảy ra tranh chấp với anh Nông Văn C. Lối đi chung này gia đình nguyên đơn và tất cả mọi người đều đi lại thường xuyên, không xảy ra tranh chấp với ai. Năm 2019, anh C cải tạo ruộng thành ao ở cạnh lối đi chung và trồng một hàng cây lát trên lối đi này dẫn đến làm thay đổi hiện trạng lối đi so với ban đầu, đồng thời anh C làm hàng rào bằng cây vầu chắn lối đi chung, không cho gia đình nguyên đơn đi lại canh tác, sản xuất các thửa đất của gia đình nguyên đơn. Ngoài lối đi chung này, không còn lối đi nào khác để vào các thửa đất của gia đình nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh C phải tháo dỡ hàng rào và chặt số cây lát đã trồng trên đất để trả lại lối đi chung có diện tích 98,6 m² cho gia đình nguyên đơn và mọi người. (*Diện tích lối đi chung xác định theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì*)

Về chi phí tổ tụng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nông Văn C trình bày:

Gia đình bị đơn có một thửa đất ruộng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hàng năm gia đình vẫn canh tác làm ruộng. Năm 2019, gia đình bị đơn cải tạo thửa đất ruộng trên để xây kè, đắp ao. Diện tích đất đang tranh chấp là bờ ao của gia đình bị đơn nên bị đơn có quyền quản lý, bị đơn không nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì gia đình nguyên đơn chỉ có 01 thửa đất ở phía trong, ngoài ra các hộ gia đình như hộ của ông Triệu Xuân M1, ông Triệu Xuân Q, ông Dương Văn N đều có thửa đất ở gần thửa đất của nguyên đơn nhưng họ vẫn đi lối đi khác để vào canh tác, sử dụng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

* Bà **Lương Thị M** (vợ anh C) trình bày: Chị nhất trí với ý kiến của anh Nông Văn C về việc không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ủy ban nhân dân xã S: Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đàm Xuân D** trình bày:

Về lối đi chung hiện nay đang tranh chấp giữa gia đình nguyên đơn với anh C, theo bản đồ đo đạc năm 2014 thì phần đất trên do UBND xã S quản lý, chưa được cấp quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân nào và là lối đi chung của người dân. Ủy ban nhân dân xã S đề nghị gia đình anh C phải tháo dỡ hàng rào và chặt số cây đã trồng trên diện tích lối đi chung để trả lại lối đi chung cho nhân dân đi lại.

Những người làm chứng:

- Ông **Triệu Xuân M1**, ông **Triệu Xuân Q**, ông **Dương Quyết C1** trình bày: Gia đình các ông đều có đất cạnh thửa đất của gia đình ông K, phần đất tranh chấp là đường mòn đã có từ trước, khi các ông lớn đã thấy có lối đi này, ngoài lối đi này không có lối đi nào khác để vào bên trong, khi anh C rào lối đi này, để đi vào phần đất của gia đình mình, các ông đều phải đi theo đường bờ suối, đi qua bờ ruộng của các hộ gia đình khác, đường bờ ruộng máy cày không qua được, mưa to, nước lũ cũng không đi được. Trong vụ án này các ông đều không có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đề nghị anh C tháo dỡ hàng rào để mọi người được đi lại trên lối đi chung.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Na Rì thể hiện: Phần đất tranh chấp có diện tích có diện tích 105,2 m², trong đó 4,6m² nằm trong thửa đất số 58 của anh Nông Văn C; 2,0 m² nằm trong thửa đất số 60 của anh Nông Tuấn A; Lối đi chung có diện tích là **98,6 m²** có tứ cận như sau:

- Phía Nam giáp suối.

- Phía Bắc giáp ruộng của ông C.
- Phía Đông giáp đất do UBND xã S quản lý.
- Phía Tây giáp đất ruộng của ông K, bà T.

Hiện trạng: Trên đất có 10 cây lát đường kính gốc từ 01 đến 07 cm; 03 cây dâu; 01 búi cây hóp và 01 búi tre không có ngọn; 01 hàng rào được làm bằng thanh cây vầu đan kiểu mắt cáo che chắn lối đi có chiều dài 1,5m, chiều cao 1,6m.

Đối với phần đất 4,6m² nằm trong thửa đất số 58 của anh Nông Văn C và 2,0 m² nằm trong thửa đất số 60 của anh Nông Tuấn A, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi đo đạc phần đất tranh chấp, Tòa án đã tiến hành xác minh ngoài lối đi đang tranh chấp thì còn 01 lối đi khác để đi vào khu ruộng của gia đình nguyên đơn cụ thể: Đường đi xuất phát từ đường cái xuống đến ruộng nhà ông Triệu Xuân M1, đi qua bờ ruộng của ông M1 đến suối, đi theo dòng suối đến ruộng của nhà bà T, sau đó để đi vào các thửa ruộng bên trong thì phải đi qua bờ ruộng của gia đình ông Triệu Xuân Q, ông Dương Văn N. Con đường này máy móc không đi qua được vì là đường bờ ruộng nhỏ, hẹp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227, 273, 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 170, 203 của Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Dương Văn K đối với anh Nông Văn C về việc tranh chấp quyền về lối đi chung.

2. Buộc anh Nông Văn C phải dỡ hàng rào được làm bằng thanh cây vầu đan kiểu mắt cáo chắn lối đi dài 1,5m, chiều cao 1,6m và chặt 10 cây lát đường kính gốc từ 01 đến 07 cm và 03 cây dâu; 01 búi cây hóp và 01 búi tre không có ngọn để trả lại lối đi chung có tổng diện tích 98,6 m² (đất do UBND xã S quản lý) có tứ cận:

- Phía Nam giáp suối.
- Phía Bắc giáp ruộng của ông C.
- Phía Đông giáp đất do UBND xã S quản lý.
- Phía Tây giáp đất ruộng của ông K, bà T.

(Có kèm theo sơ đồ)

3. Về chi phí tố tụng khác: Anh Nông Văn C phải chịu 3.200.000,đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Anh C phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông K số tiền 3.200.000,đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nông Văn C phải chịu 300.000,đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Dương Văn K được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0001564 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/10/2023, bị đơn anh Nông Văn C kháng cáo đối với bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

- Việc xác định diện tích lối đi chung 98,6 m² là không chính xác, đã lấn vào đất ruộng của bị đơn, yêu cầu xác định lại diện tích lối đi chung và trả lại đất ruộng cho bị đơn.

- Không nhất trí chặt 01 bụi hóp và 01 bụi tre không có ngọn vì các bụi tre, hóp nay đã có từ lâu đời để chống sới mòn

- Không nhất trí chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) với lý do nguyên đơn là người khởi kiện thì nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn rút yêu cầu về việc buộc bị đơn chặt, chặt 01 bụi hóp và 01 bụi tre trên đất tranh chấp vì bụi hóp và bụi tre trên không ảnh hưởng đến lối đi. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với việc rút yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận được nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cụ thể: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Các nội dung khác bị đơn giữ nguyên kháng cáo, nguyên đơn không nhất trí nội dung kháng cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lương Thị M nhất trí với phần trình bày và nội dung kháng cáo của bị đơn, nội dung nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án và của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải cắt, chặt 01 bụi hóp và 01 bụi tre trên đất tranh chấp; Sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của đương sự về nội dung nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải dỡ hàng rào được làm bằng thanh cây vầu đan kiểu mắt cáo chắn lối đi dài 1,5m, chiều cao 1,6m và chặt 10 cây lát đường kính gốc từ 01 đến 07 cm và 03 cây dâu để trả lại lối đi chung có tổng diện tích 98,6 m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thu thập, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, trình tự, thủ tục phiên tòa, văn bản pháp luật áp dụng giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định được xem xét theo trình tự phúc thẩm, tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có ủy quyền, Ủy ban nhân dân xã S đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về yêu cầu xác định lại diện tích lối đi chung và trả lại đất ruộng cho bị đơn. Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp, ngày 05/4/2023 Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, cơ quan đo đạc, đại diện UBND xã S (nơi có đất tranh chấp) và các thành phần có liên quan theo đúng quy định của pháp luật. Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn cùng xác định mốc giới, hiện trạng đất tranh chấp. Cơ quan đo đạc và các thành phần tham gia xem xét thẩm định căn cứ vào mốc giới do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn xác định trên thực địa, tiến hành đo đạc, đối chiếu với bản đồ địa

chính đo đạc năm 2014 xác định được: Phần đất tranh chấp có diện tích 105,2 m², trong đó: có 4,6m² nằm trong thửa đất số 58 của anh Nông Văn C ; 2,0 m² nằm trong thửa đất số 60 của anh Nông Tuấn A: **98,6 m²** là lối đi chung được giới hạn bởi các điểm mốc 2-3-4-11-12-5-6-7-8-9-10-2, thửa đất có tứ cận như sau:

- Phía Nam giáp suối.
- Phía Bắc giáp ruộng của ông C.
- Phía Đông giáp đất do UBND xã S quản lý.
- Phía Tây giáp đất ruộng của ông K, bà T.

Hiện trạng trên đất có 10 cây lát đường kính gốc từ 01 đến 07 cm; 03 cây dâu; 01 bụi cây hóp và 01 bụi tre không có ngọn; 01 hàng rào được làm bằng thanh cây vầu đan kiểu mắt cáo che chắn lối đi dài 1,5m, cao 1,6m. Kết thúc xem xét thẩm định tại chỗ, bị đơn và các thành phần liên quan ký xác nhận nội dung biên bản, không bổ sung ý kiến gì.

Tại văn bản số 59/CV- UBND ngày 17/3/2023 của UBND xã S xác nhận và có ý kiến: Diện tích đất tranh chấp là lối đi chung chưa được giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân nào, về nguồn gốc sử dụng là đường mòn theo bờ suối, là lối đi chung của mọi người, đề nghị bị đơn trả lại diện tích lấn chiếm để làm đường đi lại cho nhân dân.

Tại Biên bản làm việc ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Na Rỳ và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N xác định: Theo bản đồ địa chính chính quy đo đạc năm 1998 (*tờ bản đồ 49*) thì phần đất tranh chấp là đất bờ suối thuộc quyền quản lý của UBND xã S, chưa được giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân nào.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần đất 4,6m² nằm trong thửa đất số 58 của bị đơn và 2,0 m² nằm trong thửa đất số 60 của anh Nông Tuấn A, bản án sơ thẩm cũng không xem xét giải quyết phần đất có diện tích 4,6m² và 2,0 m² này.

Do vậy việc bị đơn cho rằng diện tích lối đi chung **98,6 m²** là không chính xác, đã lấn vào phần đất ruộng của bị đơn và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại diện tích lối đi chung, trả lại đất ruộng cho bị đơn là không có căn cứ để xem xét, cần bác yêu cầu.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn về việc không nhất trí chặt 01 bụi hóp và 01 bụi tre không có ngọn vì các bụi tre, hóp nay đã có từ lâu đời để chống sới mòn, Hội đồng xét xử thấy:

Như đã phân tích ở trên, phần đất tranh chấp có diện tích **98,6 m²** là lối đi chung của mọi người, trên đất tranh chấp có 10 cây lát đường kính gốc từ 01 đến 07 cm; 03 cây dâu; 01 bụi cây hóp và 01 bụi tre không có ngọn; 01 hàng rào được làm bằng thanh cây vầu đan kiểu mắt cáo che chắn lối đi dài 1,5m, cao 1,6m. Trong đơn kháng cáo bị cáo nhất trí tháo dỡ hàng rào, chặt cây lát, cây dâu trả lại lối đi chung nhưng không nhất trí chặt 01 bụi hóp và 01 bụi tre không có ngọn vì các bụi tre, hóp này đã có từ lâu đời để chống sói mòn, Hội đồng xét xử thấy:

Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“1. Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ranh giới cũng có thể được xác định theo tập quán hoặc theo ranh giới đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp.

Không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới ngăn cách, kể cả trường hợp ranh giới là kênh, mương, hào, rãnh, bờ ruộng. Mọi chủ thể có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung.

2. Người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

Người sử dụng đất chỉ được trồng cây và làm các việc khác trong khuôn viên đất thuộc quyền sử dụng của mình và theo ranh giới đã được xác định; nếu rễ cây, cành cây vượt quá ranh giới thì phải xén rễ, cắt, tỉa cành phần vượt quá, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Diện tích **98,6m²** là lối đi chung, không thuộc quyền sử dụng đất của bị đơn nhưng bị đơn tự ý rào chắn, trồng cây trên đất không cho các hộ dân đi qua là trái quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tháo dỡ hàng rào và chặt số cây đã trồng trên đất để trả lại lối đi chung là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị đơn phải dỡ hàng rào, chặt cây lát, cây dâu, chặt 01 bụi cây hóp và 01 bụi tre không có ngọn để trả lại lối đi chung có diện tích 98,6m² là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên tại cấp phúc thẩm nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải cắt, chặt 01 bụi cây hóp và 01 bụi tre không có ngọn trên đất tranh chấp. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với việc rút yêu cầu trên của nguyên đơn. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải cắt, chặt 01 bụi cây hóp và 01 bụi tre không có ngọn trên đất tranh chấp và việc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Hội

đồng xét xử chấp nhận và hủy án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc bị đơn phải cắt, chặt 01 bụi cây hóp và 01 bụi tre không có ngọn trên đất tranh chấp.

[2.3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 3.200.000 đồng (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận được nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cụ thể: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy, kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại diện tích lối đi chung, trả lại đất ruộng cho bị đơn là không có căn cứ, cần bác kháng cáo và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 04/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn về nội dung trên.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét nội dung di dời hàng rào đã tháo dỡ và các cây trên đất đã chặt ra khỏi phần đất tranh chấp lối đi chung là thiếu sót, chưa giải quyết triệt để vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không có ý kiến gì về nội dung trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm về nội dung này mà yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn thấy có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điều 299, Điều 308, Điều 309, Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH

1. Hủy và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải cắt, chặt 01 bụi cây hóp và 01 bụi tre không có ngọn trên đất tranh chấp của bản án dân sự sơ thẩm 04/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 về việc “*Tranh chấp lối đi chung*” của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án về việc buộc bị đơn phải cắt, chặt 01 bụi cây hóp và 01 bụi tre không có ngọn trên đất tranh chấp lối đi chung theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 về việc “*Tranh chấp lối đi chung*” của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải dỡ hàng rào, chặt 10 cây lát, 03 cây dâu trả lại lối đi chung có diện tích 98,6 m².

3. Về chi phí tố tụng: Sửa bản án dân sự sơ thẩm 04/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 về việc “*Tranh chấp lối đi chung*” của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ như sau: Nguyên đơn ông Dương Văn K tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 3.200.000,đ (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà Nguyên đơn đã nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm.

5. Về án phí: Bị đơn anh Nông Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bị đơn đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000566 ngày 23/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND huyện Na Rì;
- THADS huyện Na Rì;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vi Thị Tuyết Mai

